TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TN
TỈNH TN

Bản số: 52/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28/6/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH TN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Long
Ông Trần Tuấn Hưởng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 859/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐSTHNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lâm Thị P ,sinh năm 1992
Trú tại: Tổ X, xã PH, thành TN. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Việt T, sinh năm 1992
Trú tại: Tổ X, xã PH, thành TN.
(Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Lâm Thị P trình bày: : Ngày 10/5/2013 Chị và anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành TN, tỉnh TN; Về con chung vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Nam Ph, sinh ngày 12/5/2013; Về tài sản chung và khoản nợ chung không có.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn hạnh phúc, sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung , bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn vợ chồng sống không hạnh phúc, nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P xác định việc duy trì tình cảm vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình và yên tâm nuôi dạy con chung.

Khi ly hôn về con chung: chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Nam Ph, sinh ngày 12/5/2013và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tống đạt các giấy tờ cho anh Đỗ Việt T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị P, cho chị P được ly hôn với anh Đỗ Việt T. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nam Phong, sinh ngày 12/5/2013cho chị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền đi lại thăm con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung chị P không yêu cầu; về tài sản chung, khoản nợ chung chị P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; về án phí chị Phượng phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh T nhưng đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về nội dung: Ngày 10/5/2013 Chị và anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố TN , tỉnh TN, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn hạnh phúc, sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung , bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn vợ chồng sống không hạnh phúc. Trên thực tế hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống mà đã sống ly thân được một thời gian. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Đỗ Nam Ph, sinh ngày 12/5/2013 là chính đáng, vì cháu Đỗ Nam Ph do chị P đang trực tiếp chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung là Đỗ Nam Ph, sinh ngày 12/5/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu tòa án giải quyết do đó về vấn đề tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu.

Về án phí: Chị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị P. Cho chị P được ly hôn với anh Đỗ Việt T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Nam Ph, sinh ngày 12/5/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị P không yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đỗ Việt T cho đến khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007049, ngày 06/ 12/ 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
-VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- UBND phường ;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền